

SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Lớp	Ghi chú
550001	ĐẶNG ĐỨC AN	04/04/2010	Trường THCS Xuân Trường	10A1	
550002	NGUYỄN XUÂN AN	17/09/2010	Trường THCS Xuân Ngọc	10A9	
550005	ĐÀO NGỌC ANH	11/07/2010	Trường THCS Xuân Ngọc	10A12	
550007	ĐINH HOÀNG ANH	10/01/2010	Trường THCS Xuân Thành	10A2	
550008	ĐINH NGỌC ANH	29/09/2010	Trường THCS Xuân Kiên	10A8	
550009	ĐINH VIỆT ANH	19/01/2010	Trường THCS Xuân Trường	10A4	
550010	ĐỖ THẾ ANH	17/05/2010	Trường THCS Xuân Bắc	10A2	
550012	HOÀNG NGỌC ANH	11/06/2010	Trường THCS thị trấn Xuân Trường	10A1	
550013	LÃ MINH ANH	15/05/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A6	
550015	NGÔ PHƯƠNG ANH	19/02/2010	Trường THCS Xuân Tiến	10A12	
550016	NGUYỄN HOÀNG ANH	21/11/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A6	
550017	NGUYỄN HOÀNG ANH	25/11/2010	Trường THCS thị trấn Xuân Trường	10A4	
550018	NGUYỄN LINH ANH	24/11/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A9	
550019	NGUYỄN NHẬT ANH	25/11/2010	Trường THCS thị trấn Xuân Trường	10A4	
550023	NGUYỄN VIỆT ANH	10/12/2010	Trường THCS Xuân Phong	10A5	
550024	PHAN QUỲNH ANH	18/02/2010	Trường THCS Xuân Trường	10A2	
550025	PHẠM HOÀNG ANH	09/05/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A7	
550026	PHẠM NGỌC ANH	28/09/2010	Trường THCS Xuân Thủy	10A11	
550027	PHẠM VÂN ANH	09/02/2010	Trường THCS Xuân Phong	10A3	
550028	TẠ KIỀU ANH	04/09/2010	Trường THCS Xuân Ninh	10A12	
550029	TRẦN ĐỨC ANH	18/01/2010	Trường THCS Xuân Ngọc	10A10	
550030	VŨ DUY ANH	15/05/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A3	
550031	VŨ PHƯƠNG ANH	20/12/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A5	
550034	VŨ TUẤN ANH	19/02/2010	Trường THCS Xuân Phong	10A1	
550035	ĐỖ HÀ HẢI ANH	15/12/2009	Trường THCS thị trấn Xuân Trường	10A9	
550037	VŨ THỊ MAI ANH	13/05/2010	Trường THCS Xuân Thủy	10A2	
550038	TRẦN NGUYỄN PHƯƠNG ANH	23/09/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A7	
550039	VŨ THỊ PHƯƠNG ANH	20/04/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A10	
550040	VŨ THỊ QUỲNH ANH	23/11/2010	Trường THCS Xuân Ngọc	10A6	

SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Lớp	Ghi chú
550041	TRẦN ĐĂNG THẾ ANH	08/01/2010	Trường THCS Xuân Châu	10A11	
550042	PHẠM MINH ÁNH	30/07/2010	Trường THCS Xuân Kiên	10A8	
550043	PHẠM NGỌC ÁNH	27/07/2010	Trường THCS Xuân Thượng	10A3	
550044	ĐÀO THỊ NGỌC ÁNH	04/01/2010	Trường THCS Xuân Ngọc	10A3	
550045	LÊ THỊ NGỌC ÁNH	02/03/2010	Trường THCS Xuân Phong	10A4	
550046	PHAN THỊ NGỌC ÁNH	07/06/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A7	
550048	NGUYỄN XUÂN BÁCH	05/04/2010	Trường THCS Xuân Thủy	10A5	
550049	ĐOÀN GIA BẢO	19/11/2010	Trường THCS Xuân Thủy	10A2	
550050	ĐỖ QUỐC BẢO	12/04/2010	Trường THCS Xuân Thượng	10A11	
550051	LƯƠNG GIA BẢO	04/04/2010	Trường THCS Xuân Tiến	10A9	
550053	NGÔ QUỐC BẢO	13/06/2010	Trường THCS Xuân Tiến	10A7	
550055	NGUYỄN GIA BẢO	11/06/2010	Trường THCS Xuân Phương	10A6	
550057	NGUYỄN XUÂN BẮC	04/11/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A9	
550058	PHẠM TRẦN XUÂN BẮC	25/08/2010	Trường THCS Xuân Thượng	10A5	
550059	ĐINH CÔNG BẰNG	10/07/2010	Trường THCS Xuân Tiến	10A9	
550060	PHẠM QUANG BIỂN	07/07/2010	Trường THCS Xuân Tiến	10A7	
550062	ĐỖ VĂN BÌNH	25/04/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A2	
550063	MAI NGỌC BÌNH	05/03/2010	Trường THCS Xuân Ninh	10A10	
550064	TRẦN THỊ BẢO CHÂM	17/08/2010	Trường THCS Xuân Ngọc	10A2	
550065	VŨ MINH CHÂU	01/08/2010	Trường THCS Xuân Đài	10A2	
550066	VŨ THỊ MINH CHÂU	15/01/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A8	
550067	VŨ THỊ MINH CHÂU	18/10/2010	Trường THCS thị trấn Xuân Trường	10A1	
550068	TRẦN CÔNG CHẤT	15/06/2010	Trường THCS Xuân Ngọc	10A9	
550071	ĐỖ KHÁNH CHI	10/05/2010	Trường THCS Xuân Ngọc	10A11	
550072	MAI YẾN CHI	03/06/2010	Trường THCS Xuân Bắc	10A8	
550073	PHẠM THÙY CHI	10/08/2010	Trường THCS Xuân Ninh	10A7	
550074	VŨ LINH CHI	09/03/2010	Trường THCS Xuân Bắc	10A2	
550078	NGUYỄN MINH CHIẾN	15/08/2010	Trường THCS Xuân Ninh	10A3	
550079	VŨ MINH CHIẾN	09/02/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A4	

SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Lớp	Ghi chú
550080	LÊ KIỀU CHINH	02/07/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A12	
550083	LÊ HOÀNG CƯỜNG	01/05/2010	Trường THCS Xuân Bắc	10A5	
550085	NGÔ QUỐC CƯỜNG	20/09/2010	Trường THCS Xuân Tiến	10A9	
550087	PHẠM NAM CƯỜNG	19/07/2010	Trường THCS Xuân Ninh	10A7	
550089	VŨ QUỐC CƯỜNG	25/02/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A7	
550090	NGUYỄN TRƯỜNG DANH	17/04/2010	Trường THCS Xuân Thành	10A1	
550091	TRỊNH LÊ DANH	19/08/2010	Trường THCS Xuân Kiên	10A7	
550093	VŨ ĐỨC DÂN	18/07/2010	Trường THCS Xuân Thượng	10A2	
550094	NGUYỄN PHẠM VIỆT DÂN	07/06/2010	Trường THCS Xuân Thủy	10A11	
550095	BÙI NGỌC DIỆP	10/09/2010	Trường THCS Xuân Kiên	10A2	
550096	LƯƠNG BÍCH DIỆP	23/09/2010	Trường THCS Xuân Kiên	10A7	
550097	MAI ÁNH DIỆP	08/02/2010	Trường THCS Xuân Kiên	10A12	
550098	NGUYỄN NGỌC DIỆP	21/11/2010	Trường THCS Xuân Thượng	10A12	
550100	TRẦN NGỌC DIỆP	14/01/2010	Trường THCS Xuân Bắc	10A8	
550101	TRỊNH NGỌC DIỆP	04/05/2010	Trường THCS Xuân Kiên	10A12	
550104	PHAN THỊ HUYỀN DIỆU	26/11/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A9	
550105	TRẦN LÊ HUYỀN DIỆU	25/05/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A7	
550106	PHẠM KIỀU DIỄM	11/12/2010	Trường THCS thị trấn Xuân Trườn	10A12	
550107	BÙI THỊ NGỌC DIỄM	14/08/2010	Trường THCS thị trấn Xuân Trườn	10A10	
550108	VŨ PHÚC DINH	08/10/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A7	
550109	TRẦN HUY DU	13/07/2010	Trường THCS Xuân Thủy	10A1	
550110	ĐẶNG THÙY DUNG	26/07/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A1	
550111	TRẦN PHƯƠNG DUNG	09/03/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A2	
550113	LƯƠNG NGỌC DUY	30/09/2010	Trường THCS Xuân Kiên	10A9	
550114	MAI BÁ DUY	06/01/2010	Trường THCS Xuân Tiến	10A10	
550116	MAI KHÁNH DUY	04/03/2010	Trường THCS Xuân Tiến	10A9	
550117	NGUYỄN TIẾN DUY	29/08/2010	Trường THCS Xuân Ninh	10A2	
550118	NGUYỄN VĂN DUY	06/04/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A12	
550119	PHAN ĐỨC DUY	04/05/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A7	
550120	PHẠM ĐỨC DUY	13/06/2010	Trường THCS Xuân Châu	10A6	

SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Lớp	Ghi chú
550121	PHẠM KHÁNH DUY	06/03/2010	Trường THCS Xuân Ngọc	10A11	
550122	PHẠM VĂN DUY	13/11/2010	Trường THCS Xuân Ngọc	10A5	
550123	TRỊNH BÁ DUY	10/12/2010	Trường THCS Xuân Thành	10A3	
550124	NGUYỄN MỸ DUYÊN	06/01/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A11	
550125	TRỊNH PHƯƠNG DUYÊN	22/07/2010	Trường THCS Xuân Kiên	10A8	
550126	ĐỖ THỊ ÁNH DUYÊN	17/05/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A6	
550127	TRẦN THỊ MỸ DUYÊN	01/01/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A9	
550129	ĐẶNG XUÂN DŨNG	15/06/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A12	
550130	NGUYỄN TIẾN DŨNG	03/07/2010	Trường THCS Xuân Ngọc	10A10	
550131	PHẠM MINH DŨNG	25/07/2010	Trường THCS Xuân Phong	10A4	
550133	VŨ TIẾN DŨNG	31/10/2010	Trường THCS Xuân Thượng	10A12	
550136	PHAN TÙNG DƯƠNG	25/09/2010	Trường THCS Xuân Phương	10A11	
550138	PHẠM TÙNG DƯƠNG	25/09/2010	Trường THCS Xuân Ngọc	10A5	
550139	ĐỖ THỊ ÁNH DƯƠNG	22/04/2010	Trường THCS Xuân Thượng	10A8	
550141	BÙI TIẾN ĐẠT	23/04/2010	Trường THCS Xuân Kiên	10A9	
550143	MAI TIẾN ĐẠT	11/05/2010	Trường THCS Xuân Kiên	10A11	
550144	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	28/11/2010	Trường THCS Xuân Ngọc	10A9	
550146	PHẠM TIẾN ĐẠT	20/11/2010	Trường THCS Xuân Kiên	10A5	
550148	BÙI HẢI ĐĂNG	14/12/2010	Trường THCS Xuân Tiến	10A12	
550149	NGUYỄN HẢI ĐĂNG	12/08/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A2	
550150	NGUYỄN MINH ĐĂNG	11/12/2010	Trường THCS Xuân Ninh	10A9	
550151	TẠ HẢI ĐĂNG	27/07/2010	Trường THCS Xuân Châu	10A4	
550153	PHẠM MINH ĐIẾP	17/08/2010	Trường THCS Xuân Kiên	10A11	
550154	TRỊNH NGỌC ĐIẾP	06/09/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A10	
550155	TRẦN VĂN ĐÌNH	22/06/2010	Trường THCS Xuân Kiên	10A12	
550157	PHẠM VĂN ĐỒNG	07/04/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A5	
550159	ĐOÀN VIỆT ĐỨC	29/06/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A1	
550160	MAI ANH ĐỨC	27/12/2010	Trường THCS Xuân Ninh	10A7	
550161	NGUYỄN MINH ĐỨC	10/06/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A11	
550162	NGUYỄN MINH ĐỨC	01/11/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A8	

SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Lớp	Ghi chú
550163	PHẠM ANH ĐỨC	22/02/2010	Trường THCS Xuân Kiên	10A5	
550164	PHẠM MINH ĐỨC	26/03/2010	Trường THCS Xuân Kiên	10A7	
550165	PHẠM TRUNG ĐỨC	08/07/2010	Trường THCS thị trấn Xuân Trường	10A6	
550166	ĐÀO KIỀU GIANG	22/05/2010	Trường THCS Xuân Ngọc	10A12	
550167	MAI TRƯỜNG GIANG	08/11/2010	Trường THCS Xuân Tiến	10A9	
550169	PHẠM TRÀ GIANG	04/09/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A6	
550172	TRẦN THỊ HÀ GIANG	07/04/2010	Trường THCS Xuân Châu	10A11	
550173	ĐOÀN MINH GIÁP	02/10/2010	Trường THCS Xuân Trường	10A1	
550174	BÙI NGÂN HÀ	27/06/2010	Trường THCS Xuân Hòa	10A11	
550175	MAI THU HÀ	11/04/2010	Trường THCS Xuân Tiến	10A11	
550176	NGUYỄN PHƯƠNG HÀ	22/12/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A12	
550177	NGUYỄN THỊ HÀ	13/12/2010	Trường THCS Xuân Châu	10A12	
550178	PHẠM KHÁNH HÀ	18/04/2010	Trường THCS Xuân Ngọc	10A3	
550179	VŨ THU HÀ	13/11/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A3	
550181	TRẦN THỊ THU HÀ	08/07/2010	Trường THCS Xuân Ngọc	10A10	
550183	BÙI CHUNG HẢI	07/06/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A2	
550185	MAI CHÍ HẢI	20/05/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A12	
550186	NGUYỄN ĐỨC HẢI	11/05/2010	Trường THCS Xuân Thành	10A5	
550187	NGUYỄN TUẤN HẢI	14/01/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A6	
550191	NGUYỄN THỊ HẢO	26/01/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A8	
550192	NGUYỄN THỊ NHƯ HẢO	07/12/2010	Trường THCS Xuân Châu	10A1	
550193	ĐỖ GIA HÂN	05/08/2010	Trường THCS Xuân Ngọc	10A5	
550194	NGUYỄN BẢO HÂN	09/10/2010	Trường THCS Xuân Thủy	10A7	
550195	NGUYỄN BẢO HÂN	26/10/2010	Trường THCS Xuân Thủy	10A1	
550196	PHẠM NGỌC HÂN	16/11/2010	Trường THCS Xuân Thủy	10A1	
550197	TRỊNH BẢO HÂN	08/10/2010	Trường THCS Xuân Kiên	10A4	
550198	VŨ THỊ NGỌC HÂN	14/08/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A5	
550199	ĐINH BÍCH HẰNG	16/07/2010	Trường THCS Xuân Kiên	10A5	
550201	PHẠM THU HẰNG	01/06/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A10	
550202	PHẠM THÚY HẰNG	17/09/2010	Trường THCS Xuân Tiến	10A8	

SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Lớp	Ghi chú
550203	ĐÀO THỊ MINH HẰNG	21/07/2010	Trường THCS Xuân Thành	10A8	
550204	NGUYỄN THỊ THANH HẰNG	25/02/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A2	
550205	TRẦN THỊ THANH HẰNG	29/09/2010	Trường THCS thị trấn Xuân Trường	10A8	
550207	ĐỖ TRUNG HIẾU	16/11/2010	Trường THCS Xuân Thủy	10A4	
550208	NGUYỄN NGỌC HIẾU	04/09/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A10	
550210	VŨ TRUNG HIẾU	26/09/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A1	
550211	VŨ TRUNG HIẾU	05/10/2010	Trường THCS Xuân Phương	10A2	
550213	NGUYỄN THỊ HIỀN	09/11/2010	Trường THCS Xuân Ninh	10A8	
550214	NGUYỄN THU HIỀN	30/09/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A8	
550215	PHẠM THỊ HIỀN	13/08/2010	Trường THCS Xuân Ninh	10A9	
550216	NGUYỄN THỊ THANH THANH HIỀN	03/07/2010	Trường THCS Xuân Kiên	10A9	
550217	BÙI CÔNG HIỆP	01/10/2010	Trường THCS Xuân Ngọc	10A12	
550218	NGUYỄN VĂN HIỆP	28/04/2010	Trường THCS Xuân Châu	10A3	
550219	BÙI MINH HIỂN	28/04/2010	Trường THCS Xuân Bắc	10A3	
550221	HỒ THANH HOÀI	13/05/2010	Trường THCS Xuân Châu	10A3	
550222	NGUYỄN THỊ HOÀI	25/07/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A11	
550223	NGUYỄN THU HOÀI	08/02/2010	Trường THCS Xuân Thượng	10A10	
550225	BÙI VĂN HOÀN	01/02/2010	Trường THCS Xuân Châu	10A3	
550227	NGUYỄN QUANG HOÀN	07/05/2010	Trường THCS Xuân Ninh	10A10	
550228	ĐÀO VIỆT HOÀNG	10/02/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A3	
550230	PHẠM VIỆT HOÀNG	31/05/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A10	
550233	ĐINH GIA HUY	19/06/2010	Trường THCS Xuân Kiên	10A7	
550236	MAI TUẤN HUY	30/08/2010	Trường THCS Xuân Tiến	10A5	
550238	PHAN QUỐC HUY	30/09/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A10	
550240	PHẠM ĐỨC HUY	19/12/2010	Trường THCS Xuân Trường	10A4	
550241	PHẠM GIA HUY	02/10/2010	Trường THCS Xuân Thủy	10A4	
550242	TRẦN MINH HUY	13/07/2010	Trường THCS Xuân Thủy	10A5	
550243	VI QUANG HUY	23/05/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A1	
550244	VŨ GIA HUY	10/09/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A1	

SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Lớp	Ghi chú
550245	ĐINH NGỌC HUYỀN	24/11/2010	Trường THCS Xuân Kiên	10A8	
550247	NGUYỄN PHƯƠNG HUYỀN	24/08/2010	Trường THCS Xuân Châu	10A2	
550248	TRẦN ĐIỀU HUYỀN	19/10/2010	Trường THCS Xuân Châu	10A4	
550250	PHẠM THỊ KHÁNH HUYỀN	11/09/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A12	
550253	NGUYỄN VIỆT HÙNG	22/07/2010	Trường THCS Xuân Phong	10A8	
550255	ĐẶNG XUÂN HÙNG	27/01/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A4	
550256	ĐỖ MINH HÙNG	23/06/2010	Trường THCS Xuân Bắc	10A6	
550259	ĐẶNG THU HƯƠNG	06/11/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A2	
550260	NGUYỄN THU HƯƠNG	09/10/2010	Trường THCS Xuân Ninh	10A6	
550261	PHAN THU HƯƠNG	28/04/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A5	
550262	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	17/09/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A7	
550263	TRẦN VĂN HƯƠNG	04/01/2010	Trường THCS Xuân Ngọc	10A12	
550264	LÊ MINH KHANG	02/11/2010	Trường THCS Xuân Kiên	10A3	
550265	NGÔ VIỆT KHANG	18/11/2010	Trường THCS Xuân Tiến	10A12	
550266	PHẠM AN KHANG	16/07/2010	Trường THCS Xuân Ngọc	10A12	
550267	PHẠM MINH KHANG	29/04/2010	Trường THCS thị trấn Xuân Trường	10A12	
550268	VŨ DUY KHANG	28/01/2010	Trường THCS Xuân Ngọc	10A11	
550269	MAI KIỀU KHANH	13/12/2010	Trường THCS Xuân Tiến	10A6	
550270	MAI TRÍ KHANH	21/03/2010	Trường THCS Xuân Tiến	10A11	
550271	PHẠM XUÂN KHANH	01/07/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A11	
550272	BÙI CÔNG KHÁNH	24/10/2010	Trường THCS Xuân Châu	10A2	
550274	ĐINH GIA KHÁNH	12/11/2010	Trường THCS Xuân Bắc	10A1	
550275	LÊ GIA KHÁNH	22/06/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A11	
550276	LƯƠNG QUỐC KHÁNH	26/08/2010	Trường THCS Xuân Kiên	10A3	
550278	PHẠM NAM KHÁNH	06/03/2010	Trường THCS Xuân Châu	10A5	
550279	TRỊNH DUY KHÁNH	13/10/2010	Trường THCS Xuân Thủy	10A3	
550280	VŨ ĐÌNH KHÁNH	04/08/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A3	
550283	TRẦN GIA KHIÊM	15/11/2010	Trường THCS thị trấn Xuân Trường	10A9	
550284	ĐẶNG ANH KHOA	12/10/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A1	
550285	ĐINH TUẤN KHOA	17/02/2010	Trường THCS Xuân Thượng	10A11	

SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Lớp	Ghi chú
550286	VŨ ANH KHOA	06/11/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A4	
550287	VŨ DUY KHOA	06/01/2010	Trường THCS Xuân Ngọc	10A10	
550288	VŨ ĐĂNG KHOA	02/10/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A2	
550289	NGUYỄN HOÀNG ĐĂNG KHOA	19/08/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A1	
550291	NGUYỄN MINH KHÔI	13/05/2010	Trường THCS Xuân Trường	10A1	
550293	NGUYỄN MINH KHUÊ	17/10/2010	Trường THCS Xuân Châu	10A1	
550294	NGUYỄN DUY KHƯƠNG	12/11/2010	Trường THCS Xuân Ninh	10A4	
550295	VŨ TRUNG KIÊN	16/11/2010	Trường THCS Xuân Thành	10A2	
550300	VŨ NGỌC KIM	12/12/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A3	
550301	PHAN THỊ LAM	07/10/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A11	
550302	PHẠM THỊ MAI LAN	28/05/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A4	
550303	BÙI TÙNG LÂM	10/07/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A4	
550306	ĐÀO PHƯƠNG LINH	06/11/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A3	
550308	ĐẶNG KHÁNH LINH	07/05/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A10	
550310	ĐÌNH KHÁNH LINH	16/11/2010	Trường THCS Xuân Trường	10A1	
550316	NGÔ KHÁNH LINH	03/03/2010	Trường THCS Xuân Châu	10A11	
550317	NGUYỄN BẢO LINH	21/12/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A1	
550318	NGUYỄN HÀ LINH	29/10/2010	Trường THCS Xuân Châu	10A5	
550319	NGUYỄN HOÀNG LINH	02/02/2010	Trường THCS Xuân Châu	10A7	
550320	NGUYỄN PHƯƠNG LINH	27/07/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A8	
550321	NGUYỄN THUYỀN LINH	21/05/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A11	
550322	NGUYỄN THÙY LINH	12/06/2010	Trường THCS Xuân Phong	10A5	
550323	TRỊNH THÙY LINH	18/05/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A4	
550324	NGHIÊM THỊ HÀ LINH	22/07/2010	Trường THCS Xuân Ngọc	10A3	
550325	PHẠM HÀ KHÁNH LINH	31/08/2010	Trường THCS Xuân Tiến	10A8	
550327	NGUYỄN THỊ MAI LINH	27/12/2010	Trường THCS Xuân Thành	10A1	
550328	PHẠM THỊ THÙY LINH	04/06/2010	Trường THCS Xuân Phong	10A8	
550329	VŨ THỊ THÙY LINH	25/02/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A9	
550331	VŨ THỊ THANH LOAN	04/10/2010	Trường THCS Xuân Thủy	10A4	

SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Lớp	Ghi chú
550332	ĐỖ BẢO LONG	21/04/2010	Trường THCS Xuân Bắc	10A5	
550333	LÊ THÀNH LONG	15/09/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A6	
550334	NGÔ BẢO LONG	16/03/2010	Trường THCS Xuân Tiến	10A9	
550335	NGUYỄN THÀNH LONG	13/06/2010	Trường THCS Xuân Bắc	10A10	
550336	NGUYỄN THÀNH LONG	19/08/2010	Trường THCS Xuân Châu	10A8	
550337	PHẠM PHÚC LONG	02/10/2010	Trường THCS Xuân Phong	10A5	
550338	PHẠM THÀNH LONG	23/02/2010	Trường THCS Xuân Thượng	10A10	
550339	VŨ HOÀNG LONG	20/05/2010	Trường THCS Xuân Thủy	10A7	
550342	BÙI SỸ LUÂN	07/04/2010	Trường THCS Xuân Kiên	10A7	
550343	PHẠM THÀNH LUÂN	18/04/2010	Trường THCS Xuân Thủy	10A6	
550345	VŨ THỊ HIỀN LƯƠNG	28/10/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A3	
550346	LƯƠNG NGỌC LY	20/04/2010	Trường THCS Xuân Tiến	10A12	
550347	MAI KHÁNH LY	04/04/2010	Trường THCS Xuân Tiến	10A6	
550349	PHẠM CẨM LY	18/03/2010	Trường THCS thị trấn Xuân Trường	10A12	
550352	MAI THỊ CẨM LY	21/04/2010	Trường THCS Xuân Tiến	10A10	
550353	BÙI THỊ KHÁNH LY	27/02/2010	Trường THCS Xuân Kiên	10A12	
550355	ĐINH XUÂN MAI	08/07/2010	Trường THCS Xuân Thành	10A6	
550356	LÃ HIỀN MAI	16/01/2010	Trường THCS Xuân Châu	10A1	
550357	NGUYỄN PHƯƠNG MAI	26/09/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A11	
550358	PHAN PHƯƠNG MAI	11/11/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A12	
550360	NGUYỄN TIẾN MẠNH	10/03/2010	Trường THCS thị trấn Xuân Trường	10A7	
550361	PHẠM HOÀNG MẠNH	14/12/2010	Trường THCS Xuân Ninh	10A4	
550362	ĐẶNG ÁNH MINH	13/05/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A2	
550363	ĐINH ĐỨC MINH	14/09/2010	Trường THCS Xuân Thành	10A2	
550364	MAI HẢI MINH	02/01/2010	Trường THCS Xuân Tiến	10A10	
550366	NGUYỄN CÔNG MINH	01/12/2010	Trường THCS Xuân Châu	10A11	
550367	NGUYỄN HOÀNG MINH	07/11/2010	Trường THCS Xuân Châu	10A10	
550369	NGUYỄN TUỆ MINH	24/09/2010	Trường THCS Xuân Bắc	10A8	
550370	PHẠM NHẬT MINH	28/10/2010	Trường THCS Xuân Châu	10A1	
550371	TRỊNH TIẾN MINH	15/01/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A10	

SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Lớp	Ghi chú
550372	VŨ NHẬT MINH	10/04/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A1	
550374	MAI PHÚC BẢO MINH	17/08/2010	Trường THCS Xuân Tiến	10A7	
550375	NGUYỄN ĐỖ QUANG MINH	29/03/2010	Trường THCS Xuân Ngọc	10A10	
550377	LƯƠNG DIỆU MY	24/04/2010	Trường THCS Xuân Tiến	10A6	
550378	NGUYỄN TRÀ MY	30/05/2010	Trường THCS Xuân Bắc	10A2	
550379	PHẠM TRÀ MY	08/12/2010	Trường THCS Xuân Bắc	10A12	
550380	VŨ HÀ MY	16/10/2010	Trường THCS Xuân Kiên	10A10	
550381	NGUYỄN THỊ DIỄM MY	05/02/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A10	
550382	ĐÀO THỊ TRÀ MY	12/02/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A5	
550385	ĐÀO NGỌC NAM	28/09/2010	Trường THCS Xuân Ninh	10A6	
550386	LÊ PHƯƠNG NAM	15/10/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A10	
550388	MAI THÀNH NAM	22/09/2010	Trường THCS Xuân Bắc	10A5	
550389	NGUYỄN THÀNH NAM	25/12/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A3	
550391	PHẠM TIẾN NAM	15/11/2010	Trường THCS Xuân Thượng	10A7	
550393	TRỊNH THÀNH NAM	16/02/2010	Trường THCS Xuân Thành	10A2	
550394	NGUYỄN THỊ NGÀ	05/11/2010	Trường THCS Xuân Bắc	10A12	
550396	PHAN THỊ HỒNG NGÁT	05/10/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A9	
550397	VŨ THỊ HỒNG NGÁT	23/02/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A3	
550398	ĐỖ THÚY NGÂN	10/01/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A6	
550399	NGUYỄN KIM NGÂN	18/10/2010	Trường THCS Xuân Thủy	10A6	
550400	NGUYỄN THẢO NGÂN	31/10/2010	Trường THCS Xuân Ninh	10A9	
550401	TRỊNH KIM NGÂN	24/06/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A1	
550402	PHẠM NGỌC KIM NGÂN	04/11/2010	Trường THCS Xuân Hòa	10A4	
550403	NGUYỄN THỊ THU NGÂN	21/09/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A8	
550404	VŨ THỊ THÚY NGÂN	06/12/2010	Trường THCS Xuân Thượng	10A3	
550405	LƯƠNG TIÊU NGỌC	15/05/2010	Trường THCS Xuân Kiên	10A8	
550407	NGUYỄN HỒNG NGỌC	15/10/2010	Trường THCS Xuân Thủy	10A6	
550408	NGUYỄN NHƯ NGỌC	01/01/2010	Trường THCS Xuân Trường	10A1	
550409	VŨ PHƯƠNG NGỌC	08/10/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A1	

SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Lớp	Ghi chú
550410	VŨ XUÂN NGỌC	07/09/2010	Trường THCS Xuân Ngọc	10A5	
550412	ĐINH THỊ HỒNG NGỌC	01/01/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A12	
550413	LÊ THỊ HỒNG NGỌC	29/11/2010	Trường THCS Xuân Bắc	10A4	
550414	HOÀNG THỊ MINH NGỌC	11/09/2010	Trường THCS thị trấn Xuân Trường	10A7	
550415	VŨ THỊ YẾN NGỌC	28/09/2010	Trường THCS Xuân Vinh	10A1	
550416	BÙI XUÂN NGUYỄN	04/11/2010	Trường THCS Xuân Ngọc	10A3	
550417	ĐÀO TRUNG NGUYỄN	28/02/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A11	
550418	ĐẶNG TRUNG NGUYỄN	20/08/2010	Trường THCS Xuân Thượng	10A4	
550419	NGÔ GIA NGUYỄN	31/07/2010	Trường THCS Xuân Tiến	10A6	
550421	TRỊNH HOÀNG NGUYỄN	17/03/2010	Trường THCS Xuân Châu	10A11	
550422	LÊ TRẦN BẢO NGUYỄN	23/10/2010	Trường THCS Xuân Châu	10A3	
550423	NGUYỄN VƯƠNG HẢI NGUYỄN	03/07/2010	Trường THCS Xuân Châu	10A7	
550424	HOÀNG THỊ MINH NGUYỆT	17/01/2010	Trường THCS thị trấn Xuân Trường	10A11	
550426	ĐẶNG MAI NHÀN	19/02/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A7	
550427	NGÔ THỊ NHÂM	11/09/2010	Trường THCS Xuân Tiến	10A9	
550428	LƯƠNG THỊ TUYẾT NHÂM	01/10/2010	Trường THCS Xuân Tiến	10A6	
550430	TRẦN ĐỨC NHÂN	22/11/2010	Trường THCS Xuân Bắc	10A2	
550432	MAI ĐÌNH NHẬT	15/06/2010	Trường THCS Xuân Tiến	10A6	
550433	PHẠM CÔNG NHẬT	04/02/2010	Trường THCS Xuân Trường	10A3	
550436	NGUYỄN TRỊNH LONG NHẬT	03/09/2010	Trường THCS Xuân Thành	10A6	
550437	TRỊNH HÀ MINH NHẬT	07/07/2010	Trường THCS Xuân Trường	10A1	
550438	ĐINH YẾN NHI	03/06/2010	Trường THCS Xuân Thành	10A10	
550439	ĐỖ PHƯƠNG NHI	03/11/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A10	
550440	HOÀNG YẾN NHI	31/05/2010	Trường THCS thị trấn Xuân Trường	10A9	
550442	NGÔ YẾN NHI	15/09/2010	Trường THCS Xuân Tiến	10A12	
550443	NGUYỄN PHƯƠNG NHI	16/10/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A5	
550444	TRẦN YẾN NHI	23/07/2010	Trường THCS Xuân Châu	10A3	
550445	TRẦN YẾN NHI	27/12/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A2	
550446	VŨ YẾN NHI	27/09/2010	Trường THCS Xuân Thượng	10A8	

SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Lớp	Ghi chú
550448	PHẠM THỊ QUỲNH NHI	12/06/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A9	
550450	LƯƠNG THỊ YẾN NHI	05/06/2010	Trường THCS Xuân Tiến	10A12	
550451	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	18/04/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A9	
550452	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	18/08/2010	Trường THCS Xuân Thành	10A7	
550453	PHAN THỊ YẾN NHI	01/07/2010	Trường THCS Xuân Phương	10A9	
550455	TẠ THỊ HỒNG NHUNG	28/06/2010	Trường THCS Xuân Châu	10A9	
550457	PHẠM KIỀU OANH	28/09/2010	Trường THCS Xuân Phong	10A3	
550458	VŨ THỊ KIM OANH	21/06/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A5	
550459	VŨ THỊ MINH OANH	27/03/2010	Trường THCS Xuân Ninh	10A8	
550460	PHẠM HÒA PHÁT	03/07/2010	Trường THCS Xuân Thượng	10A6	
550461	TRẦN TUẤN PHÁT	25/02/2010	Trường THCS Xuân Ngọc	10A10	
550462	ĐINH XUÂN PHONG	05/07/2010	Trường THCS Xuân Thượng	10A10	
550463	MAI THẾ PHONG	12/07/2010	Trường THCS Xuân Kiên	10A10	
550466	VŨ HỒNG PHONG	11/07/2010	Trường THCS Xuân Phong	10A6	
550467	VŨ TRỌNG PHÚ	19/02/2010	Trường THCS Xuân Ninh	10A5	
550468	NGUYỄN HỒNG PHÚC	26/09/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A2	
550470	LÊ KHÁNH PHƯƠNG	02/10/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A8	
550471	MAI THÚY PHƯƠNG	10/03/2010	Trường THCS Xuân Kiên	10A8	
550472	NGUYỄN HÀ PHƯƠNG	18/01/2010	Trường THCS Xuân Kiên	10A9	
550473	NGUYỄN MAI PHƯƠNG	11/10/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A8	
550474	NGUYỄN THẢO PHƯƠNG	29/10/2010	Trường THCS Xuân Ninh	10A8	
550475	PHẠM THU PHƯƠNG	23/06/2010	Trường THCS Xuân Thượng	10A4	
550476	VŨ HOÀI PHƯƠNG	27/08/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A8	
550477	VŨ THU PHƯƠNG	11/06/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A7	
550478	PHẠM THỊ THU PHƯƠNG	04/02/2010	Trường THCS Xuân Châu	10A1	
550479	NGUYỄN VŨ QUANG	24/12/2010	Trường THCS Xuân Trường	10A2	
550480	VŨ DUY QUANG	01/04/2010	Trường THCS Xuân Thượng	10A6	
550481	ĐẶNG ANH QUÂN	18/10/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A1	
550483	ĐỖ MINH QUÂN	10/06/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A5	

SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Lớp	Ghi chú
550484	NGUYỄN HOÀNG QUÂN	15/08/2010	Trường THCS Xuân Thượng	10A11	
550485	NGUYỄN MINH QUÂN	04/08/2010	Trường THCS Xuân Trường	10A2	
550487	PHẠM MINH QUÂN	29/05/2010	Trường THCS Xuân Ninh	10A4	
550488	PHẠM THẾ QUÂN	20/08/2010	Trường THCS thị trấn Xuân Trường	10A9	
550490	PHẠM BÙI ANH QUÂN	16/12/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A4	
550492	NGÔ THỊ QUYÊN	01/03/2010	Trường THCS Xuân Tiến	10A6	
550493	NGUYỄN THỊ QUYÊN	20/09/2010	Trường THCS Xuân Thành	10A3	
550494	NGUYỄN THỊ NGỌC QUYÊN	21/06/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A7	
550495	TRẦN GIA QUYÊN	09/03/2010	Trường THCS thị trấn Xuân Trường	10A11	
550496	ĐINH THỊ QUỲNH	04/12/2010	Trường THCS Xuân Thành	10A10	
550497	ĐỖ NHƯ QUỲNH	12/09/2010	Trường THCS Xuân Ninh	10A11	
550498	PHẠM DIỄM QUỲNH	16/01/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A4	
550499	TRỊNH NHƯ QUỲNH	13/04/2010	Trường THCS Xuân Tiến	10A8	
550500	NGUYỄN THỊ HƯƠNG QUỲNH	12/02/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A11	
550501	NGUYỄN VŨ NHƯ QUỲNH	17/07/2010	Trường THCS Xuân Ninh	10A9	
550502	TRỊNH TẤN SANG	26/05/2010	Trường THCS Xuân Kiên	10A5	
550503	ĐINH NHẬT SƠN	03/09/2010	Trường THCS Xuân Tiến	10A5	
550504	NÔNG TRƯỜNG SƠN	13/10/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A7	
550505	VŨ ANH SƠN	16/03/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A2	
550509	MAI TẤN TÀI	11/08/2010	Trường THCS Xuân Tiến	10A3	
550510	NGUYỄN MẠNH TÀI	31/01/2010	Trường THCS thị trấn Xuân Trường	10A8	
550512	ĐỖ MINH TÂM	30/08/2010	Trường THCS Xuân Bắc	10A8	
550514	NGUYỄN PHƯƠNG THANH	28/08/2010	Trường THCS Xuân Châu	10A2	
550515	PHẠM PHƯƠNG THANH	16/04/2010	Trường THCS Xuân Thủy	10A4	
550516	ĐỖ DUY THÁI	01/05/2010	Trường THCS Xuân Ngọc	10A7	
550517	PHẠM HỒNG THÁI	26/09/2010	Trường THCS Xuân Châu	10A1	
550518	ĐẶNG TRỊNH HOÀNG THÁI	14/01/2010	Trường THCS Xuân Thủy	10A5	
550519	MAI TIẾN THÀNH	11/05/2010	Trường THCS Xuân Kiên	10A5	
550520	NGUYỄN VIỆT THÀNH	01/09/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A3	

SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Lớp	Ghi chú
550521	ĐINH PHƯƠNG THẢO	15/11/2010	Trường THCS Xuân Tiến	10A12	
550522	MAI PHƯƠNG THẢO	03/09/2010	Trường THCS Xuân Kiên	10A7	
550523	PHẠM PHƯƠNG THẢO	02/04/2010	Trường THCS Xuân Ninh	10A4	
550524	PHẠM PHƯƠNG THẢO	14/06/2010	Trường THCS Xuân Thủy	10A6	
550525	PHẠM PHƯƠNG THẢO	27/10/2010	Trường THCS Xuân Hòa	10A12	
550526	VŨ PHƯƠNG THẢO	13/12/2010	Trường THCS Xuân Phong	10A5	
550528	MAI THỊ PHƯƠNG THẢO	10/02/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A10	
550529	NGUYỄN MAI PHƯƠNG THẢO	27/11/2010	Trường THCS Xuân Ninh	10A5	
550531	TRỊNH PHẠM PHƯƠNG THẢO	17/11/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A9	
550532	NGUYỄN THỊ THANH THẢO	24/06/2010	Trường THCS Xuân Ngọc	10A12	
550533	PHẠM THỊ THANH THẢO	18/07/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A12	
550535	BÙI QUANG THẮNG	24/12/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A10	
550537	NGUYỄN TOÀN THẮNG	02/08/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A2	
550538	TRỊNH ĐÌNH THI	18/07/2010	Trường THCS Xuân Thành	10A2	
550540	ĐỖ NGỌC THIỆN	17/12/2009	Trường THCS Xuân Phương	10A4	
550541	PHẠM ĐỨC THIỆN	18/05/2010	Trường THCS Xuân Ngọc	10A12	
550543	NGUYỄN ĐỨC THỊNH	23/08/2010	Trường THCS Xuân Trường	10A1	
550545	NGUYỄN MINH THU	10/10/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A8	
550546	ĐẶNG THỊ HOÀI THU	08/04/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A3	
550547	MAI DUY THUẤN	10/11/2010	Trường THCS Xuân Ninh	10A3	
550548	PHẠM PHƯƠNG THÚY	28/02/2010	Trường THCS thị trấn Xuân Trường	10A3	
550549	NGUYỄN THỊ DIỆU THÚY	25/04/2010	Trường THCS Xuân Châu	10A4	
550550	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THÚY	09/09/2010	Trường THCS Xuân Châu	10A10	
550551	NGUYỄN PHƯƠNG THÙY	17/10/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A11	
550552	TRỊNH PHƯƠNG THÙY	17/11/2010	Trường THCS Xuân Thủy	10A10	
550554	NGUYỄN THU THỦY	21/09/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A12	
550555	PHẠM THU THỦY	14/09/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A8	
550556	PHẠM THU THỦY	21/11/2010	Trường THCS Xuân Thượng	10A4	
550558	TRẦN THỊ THU THỦY	13/04/2010	Trường THCS Xuân Ninh	10A9	

SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Lớp	Ghi chú
550559	ĐỖ ANH THƯ	06/12/2010	Trường THCS Xuân Ngọc	10A10	
550560	PHẠM ANH THƯ	01/06/2010	Trường THCS Xuân Thủy	10A4	
550561	PHẠM ANH THƯ	02/07/2010	Trường THCS Xuân Ngọc	10A2	
550562	PHẠM ANH THƯ	02/08/2010	Trường THCS Xuân Châu	10A11	
550564	VŨ ANH THƯ	28/09/2010	Trường THCS Xuân Bắc	10A4	
550565	VŨ ANH THƯ	07/10/2010	Trường THCS Xuân Hòa	10A11	
550566	VŨ ANH THƯ	20/10/2010	Trường THCS Xuân Phương	10A2	
550567	MAI THỊ ANH THƯ	11/04/2010	Trường THCS thị trấn Xuân Trường	10A7	
550569	VŨ THỊ ANH THƯ	26/11/2010	Trường THCS Xuân Thành	10A4	
550570	PHẠM THÁI MINH THƯ	03/08/2010	Trường THCS Xuân Thủy	10A7	
550572	VŨ THỦY TIÊN	08/10/2010	Trường THCS Xuân Thủy	10A3	
550573	ĐẶNG ĐỨC TIẾN	24/06/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A2	
550576	PHẠM XUÂN TÌNH	11/10/2010	Trường THCS Xuân Hòa	10A4	
550577	BÙI ĐỨC TOÀN	11/03/2010	Trường THCS Xuân Kiên	10A7	
550579	NGUYỄN KHÁNH TOÀN	31/08/2010	Trường THCS Xuân Trường	10A1	
550580	PHẠM ĐỨC TOÀN	11/04/2010	Trường THCS Xuân Kiên	10A5	
550581	VŨ QUỐC TOÀN	10/06/2010	Trường THCS Xuân Ninh	10A12	
550582	BÙI PHƯƠNG TRANG	26/10/2010	Trường THCS Xuân Kiên	10A9	
550584	LƯƠNG KIỀU TRANG	14/12/2010	Trường THCS Xuân Tiến	10A2	
550588	PHẠM HUYỀN TRANG	17/11/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A10	
550589	PHẠM THẢO TRANG	14/10/2010	Trường THCS Xuân Kiên	10A9	
550590	PHẠM THÙY TRANG	03/03/2010	Trường THCS Xuân Thủy	10A11	
550591	VŨ QUỲNH TRANG	28/04/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A9	
550592	BÙI THỊ HUYỀN TRANG	29/11/2010	Trường THCS Xuân Châu	10A2	
550593	ĐỖ THỊ HUYỀN TRANG	04/02/2010	Trường THCS Xuân Ninh	10A7	
550594	HOÀNG THỊ HUYỀN TRANG	03/01/2010	Trường THCS thị trấn Xuân Trường	10A8	
550595	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	04/09/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A1	
550597	VŨ PHẠM UYÊN TRANG	03/05/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A8	
550598	ĐOÀN BẢO TRÂM	01/01/2010	Trường THCS Xuân Bắc	10A5	

SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Lớp	Ghi chú
550599	TRẦN THÙY TRÂM	25/08/2010	Trường THCS Xuân Bắc	10A8	
550600	VƯƠNG THÙY TRÂM	18/12/2010	Trường THCS Xuân Phong	10A6	
550601	NGUYỄN PHƯƠNG TRINH	09/05/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A6	
550602	ĐẶNG VŨ MAI TRINH	02/06/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A4	
550604	PHẠM QUỐC TRỌNG	28/02/2010	Trường THCS Xuân Thủy	10A6	
550605	ĐẶNG ĐỨC TRUNG	24/06/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A6	
550606	LƯƠNG NHẬT TRUNG	17/12/2010	Trường THCS Xuân Tiến	10A7	
550607	PHAN THÀNH TRUNG	20/11/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A7	
550609	PHẠM THỂ TRUNG	27/09/2010	Trường THCS Xuân Ngọc	10A5	
550611	PHẠM NGỌC TRÚC	02/08/2010	Trường THCS Xuân Bắc	10A6	
550612	PHẠM THANH TRÚC	05/12/2010	Trường THCS Xuân Thủy	10A2	
550613	ĐẶNG XUÂN TRƯỜNG	01/05/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A10	
550614	ĐINH XUÂN TRƯỜNG	13/10/2010	Trường THCS Xuân Phong	10A7	
550615	PHẠM XUÂN TRƯỜNG	11/08/2010	Trường THCS Xuân Ngọc	10A4	
550616	NGÔ GIA TRƯỜNG	19/02/2010	Trường THCS Xuân Tiến	10A5	
550617	MAI ANH TUẤN	15/10/2010	Trường THCS Xuân Tiến	10A10	
550620	NGUYỄN QUỐC TUẤN	11/08/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A1	
550622	PHẠM MINH TUẤN	29/04/2010	Trường THCS thị trấn Xuân Trường	10A9	
550623	PHẠM MINH TUYỀN	04/02/2010	Trường THCS Xuân Ngọc	10A6	
550624	PHẠM THANH TUYỀN	02/01/2010	Trường THCS Xuân Tiến	10A8	
550625	NGUYỄN VĂN TUYỀN	18/08/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A1	
550626	BÙI ANH TÚ	19/11/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A6	
550627	ĐỖ ANH TÚ	23/07/2010	Trường THCS Xuân Kiên	10A12	
550628	PHẠM TUẤN TÚ	18/06/2010	Trường THCS Xuân Châu	10A4	
550629	TRẦN ANH TÚ	05/07/2010	Trường THCS Xuân Phương	10A11	
550630	TRẦN QUANG TÚ	03/11/2010	Trường THCS Xuân Bắc	10A3	
550631	VŨ ANH TÚ	31/07/2010	Trường THCS Xuân Thượng	10A2	
550632	VŨ THỊ CẨM TÚ	28/10/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A3	
550633	NGUYỄN THANH TÙNG	27/06/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A6	

SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Lớp	Ghi chú
550634	VŨ HOÀNG TÙNG	25/11/2010	Trường THCS Xuân Ngọc	10A5	
550635	NGUYỄN HỒNG TƯỚI	23/08/2010	Trường THCS Xuân Châu	10A7	
550636	ĐẶNG PHÚC TỬ	09/12/2010	Trường THCS Xuân Tiến	10A6	
550638	TRỊNH THU UYÊN	19/06/2010	Trường THCS Xuân Thành	10A3	
550639	VŨ TỐ UYÊN	05/01/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A1	
550640	VŨ TỐ UYÊN	24/12/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A11	
550641	VŨ TƯỜNG UYÊN	11/02/2010	Trường THCS Xuân Thượng	10A1	
550642	HỒ THỊ MỸ UYÊN	05/10/2010	Trường THCS Xuân Châu	10A10	
550643	BÙI THANH VÂN	16/08/2010	Trường THCS thị trấn Xuân Trường	10A12	
550645	ĐẶNG HUY VĂN	23/03/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A1	
550646	ĐOÀN THẢO VI	28/05/2010	Trường THCS thị trấn Xuân Trường	10A12	
550649	PHẠM QUỐC VIỆT	08/06/2010	Trường THCS Xuân Thủy	10A3	
550650	VŨ QUỐC VIỆT	08/11/2010	Trường THCS Xuân Ngọc	10A6	
550651	ĐỖ QUANG VINH	26/12/2010	Trường THCS Xuân Thượng	10A1	
550653	PHẠM QUỐC VINH	05/10/2010	Trường THCS Xuân Ninh	10A4	
550654	ĐINH TUẤN VŨ	14/01/2010	Trường THCS Xuân Tiến	10A8	
550655	PHẠM HUY VŨ	29/11/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A5	
550657	LƯƠNG MINH VƯƠNG	19/11/2010	Trường THCS Xuân Tiến	10A8	
550658	NGUYỄN VĂN VƯỢNG	22/07/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A11	
550660	ĐINH YẾN VY	22/05/2010	Trường THCS Xuân Kiên	10A7	
550661	NGÔ KHÁNH VY	01/08/2010	Trường THCS Xuân Kiên	10A12	
550662	NGUYỄN HÀ VY	22/04/2010	Trường THCS Xuân Phong	10A11	
550663	NGUYỄN THẢO VY	03/10/2010	Trường THCS Xuân Thủy	10A4	
550664	NGUYỄN TƯỜNG VY	10/11/2010	Trường THCS Xuân Bắc	10A5	
550666	TRẦN TƯỜNG VY	10/09/2010	Trường THCS Xuân Ngọc	10A3	
550667	TRỊNH THỊ HÀ VY	25/03/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A8	
550668	TRẦN THỊ PHƯƠNG VY	10/05/2010	Trường THCS Xuân Ngọc	10A10	
550669	NGÔ THỊ QUỲNH VY	01/01/2010	Trường THCS Xuân Tiến	10A9	
550670	TRỊNH VŨ TƯỜNG VY	05/07/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A9	

SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Lớp	Ghi chú
550672	ĐẶNG HẢI YẾN	21/10/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A11	
550673	ĐỖ HẢI YẾN	25/07/2010	Trường THCS Xuân Ngọc	10A10	
550675	VŨ HẢI YẾN	24/11/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A3	
550676	NGUYỄN THỊ BẢO YẾN	06/03/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A4	
550677	MAI THỊ HẢI YẾN	10/01/2010	Trường THCS Xuân Tiến	10A9	
550678	TRẦN THỊ NHƯ Ý	05/11/2010	Trường THCS Xuân Ngọc	10A11	
550679	NGUYỄN THU HÀ	08/01/2010	Trường THCS Xuân Phong	10A9	
550680	PHẠM TRÀ MY	03/01/2010	Trường THCS Xuân Thượng	10A9	
550681	NGUYỄN VŨ HOÀNG MINH	17/11/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A6	
550682	ĐẶNG VŨ MAI TRÂM	02/06/2010	Trường THCS Đặng Xuân Khu	10A6	